

Số: /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, gồm: quy định cụ thể tiêu chí chung và cụ thể tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là sở).
- Phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).
- Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 3. Nguyên tắc ban hành tiêu chí

1. Bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch, khách quan, đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; thực hiện theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, tiêu chí phải thông qua sản phẩm cụ thể.

2. Kết hợp giữa tiêu chí định tính và định lượng, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu.

3. Gắn kết quả đánh giá với kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, kỷ luật, kỷ cương hành chính và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, công tác phối hợp liên ngành.

4. Việc đánh giá, xếp loại tổ chức dựa trên mức độ hoàn thành khối lượng và hiệu quả theo yêu cầu của từng nội dung tiêu chí.

Điều 4. Tiêu chí chung và tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Tiêu chí chung được chấm tối đa là 30 điểm (trong thang điểm 100), cụ thể gồm:

a) Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường *(tối đa 10 điểm)*.

b) Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực; hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức *(tối đa 10 điểm)*.

c) Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công; mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có) *(tối đa 10 điểm)*.

2. Tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ, được chấm tối đa là 70 điểm (trong thang điểm 100), cụ thể gồm:

a) Kết quả thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, văn bản quy phạm pháp luật *(tối đa 10 điểm)*.

b) Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác của năm; hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung, nhiệm vụ của năm được Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cấp có thẩm quyền giao (trong đó bao gồm kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công và

mức độ hoàn thành dự toán ngân sách nhà nước; việc thực hiện trách nhiệm giải trình...) và các nhiệm vụ phát sinh khác (nếu có) (tối đa 18 điểm).

c) Kết quả hoạt động quản lý, điều hành của tổ chức; tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản (tối đa 08 điểm).

d) Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành; có sáng kiến, mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có) (tối đa 08 điểm).

đ) Kết quả thực hiện chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; có sáng kiến cụ thể áp dụng hiệu quả (nếu có) (tối đa 08 điểm).

e) Kết quả thực hiện chính sách, chương trình khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương (tối đa 06 điểm).

g) Kết quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính; tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (nếu có) (tối đa 06 điểm).

h) Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (nếu có) (tối đa 06 điểm).

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã theo Quyết định này và Nghị định số 335/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Chủ trì tổng hợp kết quả tự đánh giá và mức xếp loại chất lượng của các sở, Ủy ban nhân dân các xã, phường tự đề xuất đề trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả đánh giá, xếp loại của các sở, UBND cấp xã theo quy định.

2. Người đứng đầu các sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Căn cứ Quyết định này và Nghị định số 335/2025/NĐ-CP của Chính phủ tiến hành tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại chất lượng của đơn vị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả đánh giá, xếp loại (qua Sở Nội vụ). Chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ đánh giá và tính chính xác của số liệu báo cáo liên quan theo quy định.

b) Người đứng đầu các sở công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản đã sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các cơ quan, đơn vị báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Vụ pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- BTV Đảng ủy UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm thông tin – Công báo;
- Lưu: VT, VP2, VP9, VP7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**